**Phụ lục I**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày /12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN VỊ…………………

Số: /BC-….. *………., ngày …… tháng …… năm …*

## BÁO CÁO KIỂM KÊ QUỸ DỰ TRỮ PHÁT HÀNH

(HẠCH TOÁN NỘI BẢNG)

Loại tiền:………………….

Tài khoản số:………………

Thời điểm kiểm kê:……/…../…..

Đơn vị: đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mệnh giá** | **Tiền giấy (cotton)** | | | | | | **Tiền giấy (polymer)** | | | | | **Tiền kim loại** | | | | **Cộng** | |
| **Bao (Thùng)** | | **Bó (Túi)** | **Tờ** | **Thành tiền** | | **Bao (Thùng)** | **Bó (Túi)** | **Tờ** | **Thành tiền** | | **Thùng** | **Túi** | **Miếng** | **Thành tiền** |
| 500.000 |  | |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
| 200.000  100.000  ……  ……  …… |  | |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
| Kiểm kê thực tế |  | |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
| Tồn quỹ trên sổ sách |  | |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
| Chênh lệch:  - Thừa:  - Thiếu: |  | |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
|  | |  |  | | |  | | | | |  | | |  | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| LẬP BẢNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | THỦ KHO  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | TP. KẾ TOÁN  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | *…, ngày …tháng … năm …*  GIÁM ĐỐC  (*ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên*) |

**- Đơn vị lập báo cáo**: NHNN Chi nhánh; Cục Phát hành và Kho quỹ (các Kho tiền Trung ương), Vụ Tài chính - Kế toán.

**- Thời hạn lập và gửi:**

+ Đối với NHNN Chi nhánh:

(i) Hàng tháng, chậm nhất ngày 05 tháng kế tiếp, đơn vị lập báo cáo để lưu tại đơn vị.

(ii) Riêng báo cáo tháng 12: Chậm nhất ngày 10/1 của năm kế tiếp, đơn vị lập báo cáo để lưu tại đơn vị.

+ Đối với Cục Phát hành và Kho quỹ (các Kho tiền Trung ương):

(i) Hàng tháng, chậm nhất ngày 05 tháng kế tiếp, đơn vị lập báo cáo và gửi bằng văn bản về Vụ Tài chính - Kế toán.

(ii) Riêng báo cáo tháng 12: Chậm nhất ngày 10/01 của năm kế tiếp, đơn vị lập báo cáo và gửi bằng văn bản về Vụ Tài chính - Kế toán.

+ Đối với Vụ Tài chính - Kế toán:

(i) Hàng tháng, chậm nhất ngày 05 tháng kế tiếp, Vụ Tài chính - Kế toán lập báo cáo (bỏ chức danh Thủ kho) và lưu tại đơn vị.

(ii) Riêng báo cáo tháng 12: Chậm nhất ngày 10/01 của năm kế tiếp, Vụ Tài chính - Kế toán lập báo cáo (bỏ chức danh Thủ kho) và lưu tại đơn vị.

**Ghi chú:** Báo cáo này lập cho từng loại tiền sau:

+ Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông;

+ Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông;

+ Tiền đình chỉ lưu hành;

+ Tiền bị phá hoại.

**Phụ lục II**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày /12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN VỊ…………………

Số: /BC-….. *………., ngày …… tháng …… năm …*

**BÁO CÁO KIỂM KÊ QUỸ NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH**

(HẠCH TOÁN NỘI BẢNG)

Loại tiền:………………….

Tài khoản số:………………

Thời điểm kiểm kê:……/…../…..

Đơn vị: đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mệnh giá** | **Tiền giấy (cotton)** | | | | | | **Tiền giấy (polymer)** | | | | | **Tiền kim loại** | | | | **Cộng** | |
| **Bao (Thùng)** | | **Bó (Túi)** | **Tờ** | **Thành tiền** | | **Bao (Thùng)** | **Bó (Túi)** | **Tờ** | **Thành tiền** | | **Thùng** | **Túi** | **Miếng** | **Thành tiền** |
| 500.000  200.000  100.000  ……  ……  …… |  | |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
| Kiểm kê thực tế |  | |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
| Tồn quỹ trên sổ sách |  | |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
| Chênh lệch:  - Thừa:  - Thiếu: |  | |  |  |  | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |
|  | |  |  | | |  | | | | |  | | |  | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| LẬP BẢNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | THỦ QUỸ  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | TP. KẾ TOÁN  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | *…, ngày …tháng … năm …*  GIÁM ĐỐC  (*ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên*) |

**- Đơn vị lập báo cáo**: Sở Giao dịch, NHNN Chi nhánh.

**- Thời hạn lập và gửi:**

+ Hàng tháng, chậm nhất ngày 05 tháng kế tiếp, đơn vị lập báo cáo để lưu tại đơn vị.

+ Riêng báo cáo tháng 12: Chậm nhất ngày 10/01 của năm kế tiếp, đơn vị lập báo cáo và gửi bằng văn bản về Vụ Tài chính - Kế toán.

**Ghi chú:** Báo cáo này lập cho từng loại tiền sau:

+ Tiền đủ tiêu chuẩn lưu thông;

+ Tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông;

+ Tiền đình chỉ lưu hành;

+ Tiền bị phá hoại.

**Phụ lục III**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày /12/2022*

*của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN VỊ…………………

Số: /BC-….. *………., ngày …… tháng … năm …*

**BÁO CÁO SỐ DƯ TÀI KHOẢN**

QUỸ DỰ TRỮ PHÁT HÀNH ĐANG VẬN CHUYỂN

Tài khoản số:………………

Thời điểm báo cáo:……/…../…..

Đơn vị: đồng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngày, tháng giao** | **Đơn vị nhận tiền** | **Số tiền** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **Tổng cộng:** | |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| LẬP BẢNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | TP. KẾ TOÁN  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | *…, ngày …tháng … năm …*  GIÁM ĐỐC  (*ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên*) |

**- Đơn vị lập báo cáo**: NHNN Chi nhánh; Vụ Tài chính - Kế toán.

**- Thời hạn lập và gửi:**

+ Hàng tháng, chậm nhất ngày 05 tháng kế tiếp, đơn vị lập báo cáo để lưu tại đơn vị.

+ Riêng báo cáo tháng 12: Chậm nhất ngày 10/01 của năm kế tiếp, đơn vị lập báo cáo để lưu tại đơn vị.

**Phụ lục IV**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày /12/2022*

*của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN VỊ…………………

Số: /BC-….. *………., ngày …… tháng … năm ……*

**BÁO CÁO KIỂM KÊ**

CÁC LOẠI TIỀN HẠCH TOÁN NGOẠI BẢNG

Loại tiền:………………….

Tài khoản số:………………

Thời điểm kiểm kê:……/…../…..

Đơn vị: đồng

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mệnh giá** | **Số liệu kiểm kê** | | **Số liệu trên sổ sách** | | **Chênh lệch thừa (+), thiếu (-)** | |
| **Số lượng** | **Thành tiền** | **Số lượng** | **Thành tiền** | **Số lượng** | **Thành tiền** |
| 1. Tiền giấy (cotton)  ….. |  |  |  |  |  |  |
| 2. Tiền giấy (Polymer)  ….. |  |  |  |  |  |  |
| 3. Tiền kim loại  ….. |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| LẬP BẢNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | THỦ KHO  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | TP. KẾ TOÁN  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | *…, ngày …tháng … năm …*  GIÁM ĐỐC  (*ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên*) |

**- Đơn vị lập báo cáo**: Sở Giao dịch, NHNN Chi nhánh, các Kho tiền Trung ương, Vụ Tài chính - Kế toán.

**- Thời hạn lập và gửi:**

+ Đối với Sở Giao dịch, NHNN Chi nhánh:

(i) Hàng tháng, chậm nhất ngày 5 tháng kế tiếp, đơn vị lập báo cáo để lưu tại đơn vị.

(ii) Riêng báo cáo tháng 12: Chậm nhất ngày 10/01 của năm kế tiếp, đơn vị lập báo cáo để lưu tại đơn vị.

+ Đối với Cục Phát hành và Kho quỹ (các Kho tiền Trung ương):

(i) Hàng tháng, chậm nhất ngày 5 tháng kế tiếp, đơn vị lập báo cáo và gửi bằng văn bản về Vụ Tài chính - Kế toán.

(ii) Riêng báo cáo tháng 12: Chậm nhất ngày 10/01 của năm kế tiếp, đơn vị lập báo cáo và gửi bằng văn bản về Vụ Tài chính - Kế toán.

+ Đối với Vụ Tài chính - Kế toán:

(i) Hàng tháng, chậm nhất ngày 5 tháng kế tiếp, Vụ Tài chính - Kế toán lập báo cáo (bỏ chức danh Thủ kho) và lưu tại đơn vị.

(ii) Riêng báo cáo tháng 12: Chậm nhất ngày 10/01 của năm kế tiếp, Vụ Tài chính - Kế toán lập báo cáo (bỏ chức danh Thủ kho) và lưu tại đơn vị.

**Ghi chú:** Báo cáo này lập cho từng loại tiền sau:

+ Tiền chưa công bố lưu hành;

+ Tiền đã công bố lưu hành nhưng chưa được phép phát hành vào lưu thông;

+ Tiền không có giá trị lưu hành:

+ Tiền mẫu chưa công bố lưu hành;

+ Tiền mẫu đã công bố lưu hành;

+ Tiền lưu niệm;

+ Tiền nghi giả;

+ Tiền giả;

+ Tiền nghi bị phá hoại chờ xử lý;

+ Tiền bị phá hoại không xác định được mệnh giá.

**Phụ lục V**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày /12/2022*

*của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN VỊ…………………

Số: /BC-….. *………., ngày tháng năm*

**BÁO CÁO SỐ DƯ TÀI KHOẢN**

TIỀN ĐANG VẬN CHUYỂN

Loại tiền:………………….

Tài khoản số:………………

Thời điểm báo cáo:……/…../…..

Đơn vị : đồng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ngày, tháng giao** | **Đơn vị nhận tiền** | **Số tiền** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **Tổng cộng:** | |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| LẬP BẢNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | TP. KẾ TOÁN  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | *…, ngày …tháng … năm …*  GIÁM ĐỐC  (*ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên*) |

**- Đơn vị lập báo cáo**: Sở Giao dịch, NHNN Chi nhánh, Vụ Tài chính - Kế toán.

**- Thời hạn lập và gửi:**

+ Hàng tháng, chậm nhất ngày 05 tháng kế tiếp, đơn vị lập báo cáo để lưu tại đơn vị.

+ Riêng báo cáo tháng 12: Chậm nhất ngày 05/01 của năm kế tiếp, đơn vị lập báo cáo để lưu tại đơn vị.

**Ghi chú:** Báo cáo này lập cho từng loại tiền sau:

+ Tiền chưa công bố lưu hành;

+ Tiền đã công bố lưu hành;

+ Tiền mẫu chưa công bố lưu hành;

+ Tiền mẫu đã công bố lưu hành;

+ Tiền giả;

+ Tiền bị phá hoại không xác định được mệnh giá.

**Phụ lục VIA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày /12/2022*

*của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN VỊ…………………

Số: /BC-….. *………., ngày tháng năm*

**BÁO CÁO**

SỐ LƯỢNG TIỀN MỚI IN, ĐÚC PHÁT HÀNH RA LƯU THÔNG

TỪ QUỸ NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH

Tháng ….. năm ……

Đơn vị: đồng

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại tiền** | **Số lượng** | | | **Giá trị theo mệnh giá** |
| **Bao (Thùng)** | **Bó (Túi)** | **Tờ/Miếng** |
| I | Tiền giấy (Cotton)  ….  **Cộng:** |  |  |  |  |
| II | Tiền giấy (Polymer)  ……  **Cộng:** |  |  |  |  |
| III | Tiền kim loại  ……  **Cộng:** |  |  |  |  |
| **Tổng cộng (I + II + III):** | |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| LẬP BẢNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | THỦ QUỸ  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | TP. KẾ TOÁN  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | *…, ngày …tháng … năm …*  GIÁM ĐỐC  (*ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên*) |

**- Đơn vị lập báo cáo**: Sở Giao dịch, NHNN Chi nhánh.

**- Thời hạn lập và gửi:**

+ Hàng tháng, chậm nhất ngày 05 tháng kế tiếp, đơn vị lập báo cáo và gửi bằng văn bản về Vụ Tài chính - Kế toán.

+ Riêng báo cáo tháng 12: Chậm nhất ngày 05/01 của năm kế tiếp, đơn vị lập báo cáo và gửi bằng văn bản về Vụ Tài chính - Kế toán.

**Ghi chú:**

- Tiền mới in: Là tiền nguyên bao, gói, bó, nguyên niêm phong kẹp chì của Nhà máy in tiền.

- Tiền mới đúc: Là hộp tiền kim loại đóng gói theo quy định.

- Tiền mới in, đúc phát hành ra lưu thông (Mi ≥ 0) được xác định trên cơ sở số lượng tiền mới in, đúc chưa qua lưu thông tồn Quỹ NVPH đầu tháng (1), cuối tháng (4) và số lượng nhập Quỹ NVPH từ Quỹ DTPH (2), xuất Quỹ NVPH nhập Quỹ DTPH (3) (nếu có) đối với số tiền mới in, đúc theo từng mệnh giá và từng loại tiền, theo công thức sau:

Mi = Tồn Quỹ NVPH đầu tháng (tiền mới in, đúc) (1) + Nhập Quỹ NVPH từ Quỹ DTPH (tiền mới in, đúc) (2) - Xuất Quỹ NVPH để nhập Quỹ DTPH (Tiền mới in, đúc)(3) - Tồn Quỹ NVPH cuối tháng (tiền mới in, đúc)(4).

**Phụ lục VIB**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày /12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN VỊ…………………

Số: /BC-….. *………., ngày …… tháng … năm ……*

**BÁO CÁO TỔNG HỢP**

SỐ LƯỢNG TIỀN MỚI IN, ĐÚC PHÁT HÀNH RA LƯU THÔNG

TỪ QUỸ NGHIỆP VỤ PHÁT HÀNH

Tháng ….. Năm ……

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã tỉnh** | **Tên tỉnh** | **Tiền giấy (cotton)** | | | | | **Tiền giấy (Polymer)** | | | | | | | **Tổng giá trị theo mệnh giá** |
| **5.000đ (Tờ)** | **2.000đ (Tờ)** | | **1.000đ (Tờ)** | **500đ (Tờ)** | **500.000đ**  **(Tờ)** | **200.000đ**  **(Tờ)** | **100.000đ**  **(Tờ)** | **50.000đ**  **(Tờ)** | | **20.000đ**  **(Tờ)** | **10.000đ**  **(Tờ)** |
| 1 | … | NHNN A |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| 2 | … | NHNN B |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** |  |  | |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |
| LẬP BẢNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | | | | | | KIỂM SOÁT  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | | | | | | | *….., ngày … tháng … năm …*  VỤ TRƯỞNG/PHÓ VỤ TRƯỞNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | | | |

**- Đơn vị lập báo cáo**: Vụ Tài chính - Kế toán.

**- Thời hạn lập và gửi:**

+ Hàng tháng, chậm nhất ngày 15 tháng kế tiếp, Vụ Tài chính - Kế toán lập báo cáo và lưu tại đơn vị.

+ Riêng báo cáo tháng 12: Chậm nhất ngày 15/01 của năm kế tiếp, Vụ Tài chính - Kế toán lập báo cáo và lưu tại đơn vị.

**Phụ lục VIIA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày /12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN VỊ…………………

Số: /BC-….. *………., ngày …… tháng … năm ……*

**BÁO CÁO KIỂM KÊ**

TIỀN MỚI IN, ĐÚC NGUYÊN NIÊM PHONG, CHƯA QUA LƯU THÔNG TỒN KHO

Thời điểm ………, ngày …../…./……

Đơn vị: đồng

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mệnh giá** | **Tiền giấy (Cotton)** | | | | **Tiền giấy (Polymer)** | | | | **Tiền kim loại** | | | | **Tổng cộng**  **thành tiền** |
| **Bao (Thùng)** | Bó (Túi) | **Tờ** | Thành tiền | **Bao (Thùng)** | Bó (Túi) | **Tờ** | **Thành tiền** | **Thùng** | **Túi** | **Miếng** | **Thành tiền** |
| I. Quỹ dự trữ phát hành  500.000  200.000  …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| II. Quỹ nghiệp vụ phát hành  500.000  200.000  …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| III. Tổng cộng (I + II)  500.000  200.000  …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| LẬP BẢNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | THỦ KHO  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | THỦ QUỸ  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | TP. KẾ TOÁN  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | *…, ngày …tháng … năm …*  GIÁM ĐỐC  (*ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên*) |

**- Đơn vị lập báo cáo**: Sở Giao dịch, NHNN Chi nhánh; các Kho tiền Trung ương.

**- Thời hạn lập và gửi:** Hàng năm, chậm nhất ngày 10/01 của năm kế tiếp, đơn vị lập báo cáo và gửi bằng văn bản về Vụ Tài chính - Kế toán.

**Phụ lục VIIB**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày /12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN VỊ…………………

Số: /BC-….. *………., ngày …… tháng … năm …*

**BÁO CÁO**

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG TIỀN MỚI IN, ĐÚC NGUYÊN NIÊM PHONG, CHƯA QUA LƯU THÔNG TỒN KHO

(Bao gồm cả Quỹ DTPH và Quỹ NVPH)

Thời điểm …….. , ngày ……/…./……

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã tỉnh** | **Tên tỉnh** | **Tiền giấy (cotton)** | | | | **Tiền giấy (Polymer)** | | | | | | **Tổng giá trị theo mệnh giá** |
| **5.000đ (Tờ)** | **2.000đ**  **(Tờ)** | **1.000đ**  **(Tờ)** | **500đ**  **(Tờ)** | **500.000đ**  **(Tờ)** | **200.000đ**  **(Tờ)** | **100.000đ**  **(Tờ)** | **50.000đ**  **(Tờ)** | **20.000đ**  **(Tờ)** | **10.000đ**  **(Tờ)** |
| 1 | … | NHNN A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | … | NHNN B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Kho I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Kho II |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Tổng cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| LẬP BẢNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | KIỂM SOÁT  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | *….., ngày … tháng … năm …*  VỤ TRƯỞNG/PHÓ VỤ TRƯỞNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) |

**- Đơn vị lập báo cáo**: Vụ Tài chính - Kế toán.

**- Thời hạn lập và gửi:** Hàng năm, chậm nhất ngày 20/01 năm kế tiếp, Vụ Tài chính - Kế toán lập báo cáo để sử dụng và lưu tại đơn vị.

**Phụ lục VIIIA**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày /12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN VỊ…………………

Số: /BC-….. *………., ngày …… tháng … năm …*

**BÁO CÁO**

TIỀN MỚI IN, ĐÚC KHO TIỀN TRUNG ƯƠNG VÀ KHO TRUNG CHUYỂN GIAO CÁC CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

(Kho tiền Trung ương và Kho trung chuyển báo cáo về Vụ Tài chính - Kế toán)

Tháng… năm …

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã tỉnh** | **Tên tỉnh** | **Tiền giấy (cotton)** | | | | **Tiền giấy (Polymer)** | | | | | | **Tổng giá trị theo mệnh giá** |
| **5.000đ (Tờ)** | **2.000đ**  **(Tờ)** | **1.000đ**  **(Tờ)** | **500đ**  **(Tờ)** | **500.000đ**  **(Tờ)** | **200.000đ**  **(Tờ)** | **100.000đ**  **(Tờ)** | **50.000đ**  **(Tờ)** | **20.000đ**  **(Tờ)** | **10.000đ**  **(Tờ)** |
| 1 | … | NHNN A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | … | NHNN B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| LẬP BẢNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | THỦ KHO  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | TP. KẾ TOÁN  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | *…, ngày …tháng … năm …*  GIÁM ĐỐC  (*ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên*) |

**Ghi chú**: Các Kho tiền Trung ương và Kho trung chuyển (Bình Định, Phú Thọ, Vĩnh Long, Nghệ An,…) báo cáo lượng tiền mới in đúc giao đi NHNN Chi nhánh. Kho tiền báo cáo về Vụ Tài chính - Kế toán, để Vụ Tài chính - Kế toán kiểm tra tính chính xác về số lượng tồn kho.

**Phụ lục VIIIB**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2022/TT-NHNN ngày /12/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐƠN VỊ…………………

Số: /BC-….. *………., ngày …… tháng … năm …*

**BÁO CÁO**

TIỀN MỚI IN, ĐÚC CÁC CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC ĐIỀU CHUYỂN VỀ KHO TRUNG ƯƠNG VÀ KHO TRUNG CHUYỂN

(Kho tiền Trung ương và Kho trung chuyển báo cáo về Vụ Tài chính - Kế toán)

Tháng… năm …

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã tỉnh** | **Tên tỉnh** | **Tiền giấy (cotton)** | | | | **Tiền giấy (Polymer)** | | | | | | **Tổng giá trị theo mệnh giá** |
| **5.000đ (Tờ)** | **2.000đ**  **(Tờ)** | **1.000đ**  **(Tờ)** | **500đ**  **(Tờ)** | **500.000đ**  **(Tờ)** | **200.000đ**  **(Tờ)** | **100.000đ**  **(Tờ)** | **50.000đ**  **(Tờ)** | **20.000đ**  **(Tờ)** | **10.000đ**  **(Tờ)** |
| 1 | … | NHNN A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | … | NHNN B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| LẬP BẢNG  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | THỦ KHO  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | TP. KẾ TOÁN  (*ký, ghi rõ họ và tên*) | *…, ngày …tháng … năm …*  GIÁM ĐỐC  (*ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên*) |

**Ghi chú**: Các Kho tiền Trung ương và Kho trung chuyển (Bình Định, Phú Thọ, Vĩnh Long, Nghệ An, …) báo cáo lượng tiền mới in đúc nhập từ các NHNN Chi nhánh nộp về. Kho tiền báo cáo về Vụ Tài chính - Kế toán, để Vụ Tài chính - Kế toán kiểm tra tính chính xác về số lượng tồn kho.

**Phụ lục IXA**

Mẫu PHIẾU XUẤT KHO  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số ….. ngày …/12/2022 của Thống đốc NHNN)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

ĐƠN VỊ…………………………………..

Số:………………….

**PHIẾU XUẤT KHO**

(kiêm chứng từ ghi sổ kế toán)

………., ngày … tháng … năm …

Xuất………………………… tại Kho tiền…………………để giao cho……………………..

theo……..………………………………………………

Số tài khoản Nợ………………

Số tài khoản Có……………….

ngày …/…/… của……………………………………..

- Người giao:………………………………….. Chức vụ…………………………………….

- Người nhận:…………………………………. Đơn vị……………………………................

Theo Giấy ủy quyền vận chuyển số…………. ngày …/…/… của…………………………..

Tài sản xuất kho bao gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **LOẠI** | **THÀNH TIỀN** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |

Ấn định số tiền của PHIẾU XUẤT KHO này là. .…………………….………………………

…………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Xuất ngày………tháng……..năm…… | | | | | |
| Người giao(4) (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người nhận(4) (Ký, ghi rõ họ tên) | Kế toán(1) (Ký, ghi rõ họ tên) | TP. Kế toán(2) (Ký, ghi rõ họ tên) | Giám đốc(3) (Ký, ghi rõ họ tên) |

**Ghi chú**: Quy trình luân chuyển chứng từ và ký trên mẫu phiếu này thực hiện theo thứ tự (1), (2), (3), (4).

**Phụ lục IXB**

Mẫu PHIẾU NHẬP KHO  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số ….. ngày …/12/2022 của Thống đốc NHNN)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Đơn vị……………………………………

Số: ………………….

**PHIẾU NHẬP KHO**

(Kiêm chứng từ ghi sổ kế toán)

..., ngày … tháng … năm …

Nhập………………………… tại Kho tiền……………….………từ..……………………..

theo……..…………… ngày …/…/… của……………và

Số tài khoản Nợ………………..

Số tài khoản Có……………….

Biên bản giao nhận số ……………. ngày …..…………..

- Người giao:………………………………….. Đơn vị………………………………………

Theo Giấy ủy quyền vận chuyển số…………… ngày …/…/… của………………………...

- Người nhận: ………………………………. Chức vụ………………………….....................

Tài sản nhập kho bao gồm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **LOẠI** | **THÀNH TIỀN** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |

Ấn định số tiền của PHIẾU NHẬP KHO này là. .…………………….……………………….

………………………………………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhập ngày………tháng……..năm…….. | | | | |
| Người giao(4) (Ký, ghi rõ họ tên) | | Người nhận(4) (Ký, ghi rõ họ tên) | Kế toán(1) (Ký, ghi rõ họ tên) | TP. Kế toán(2) (Ký, ghi rõ họ tên) | Giám đốc(3) (Ký, ghi rõ họ tên) | |

**Ghi chú**: Quy trình luân chuyển chứng từ và ký trên mẫu phiếu này thực hiện theo thứ tự (1), (2), (3), (4).

**Phụ lục IXC**

Mẫu PHIẾU HẠCH TOÁN NỢ

**Tài khoản ngoại bảng “tiền đang vận chuyển”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ….. ngày …/12/2022 của Thống đốc NHNN)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Đơn vị……………………………………

Số:………………….

**PHIẾU HẠCH TOÁN NỢ**

**Tài khoản ngoại bảng “tiền đang vận chuyển”**

…..., ngày … tháng … năm …

**Số tài khoản: .………...**

Tên tài khoản: ….……… …………………..……….................

Nội dung: ………………………………………………………

…………………………………………………………….........

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **LOẠI** | **THÀNH TIỀN** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |

Số tiền bằng chữ………………………………. .…………………….……………..

……………………………………………………………………………………….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ………, ngày………tháng……..năm…… | | |
| Kế toán(1) (Ký, ghi rõ họ tên) | TP Kế toán(2) (Ký, ghi rõ họ tên) | Thủ trưởng đơn vị(3) (Ký, ghi rõ họ tên) |

**Ghi chú**: Quy trình luân chuyển chứng từ và ký trên mẫu phiếu này thực hiện theo thứ tự (1), (2) ,(3)

- Phiếu hạch toán Nợ tài khoản ngoại bảng “tiền đang vận chuyển” dùng để hạch toán các tài sản ngoại bảng đang vận chuyển.

**Phụ lục IXD**

Mẫu PHIẾU HẠCH TOÁN CÓ

**Tài khoản ngoại bảng “tiền đang vận chuyển”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ….. ngày …/12/2022 của Thống đốc NHNN)*

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

Đơn vị……………………………………

Số:………………….

**PHIẾU HẠCH TOÁN CÓ**

**Tài khoản ngoại bảng “tiền đang vận chuyển”**

……., ngày … tháng … năm …

Tên tài khoản: ….……… …………………..………..............

**Số tài khoản**: .……….........

Nội dung: …………………………………………………….

……………………………………………………………......

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **LOẠI** | **THÀNH TIỀN** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng:** |  |  |

Số tiền bằng chữ………………………………. .…………………….………………...

…………………………………………………………………………………………..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ………, ngày……… tháng … năm ……….. | | |
| Kế toán(1) (Ký, ghi rõ họ tên) | TP Kế toán(2) (Ký, ghi rõ họ tên) | Thủ trưởng đơn vị(3) (Ký, ghi rõ họ tên) |

**Ghi chú**: Quy trình luân chuyển chứng từ và ký trên mẫu phiếu này thực hiện theo thứ tụ (1), (2), (3).

- Phiếu hạch toán Có tài khoản ngoại bảng “tiền đang vận chuyển” dùng để hạch toán các tài sản ngoại bảng đang vận chuyển.

**Phụ lục IXĐ**

Mẫu GIẤY NỘP TIỀN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ….. ngày …/12/2022 của Thống đốc NHNN)*

Số:……………

**NGÂN HÀNG GIẤY NỘP TIỀN**

…………………….. NỘP ĐỂ GHI VÀO TÀI KHOẢN

ngày … tháng … năm …

|  |  |
| --- | --- |
| Người nộp:……………………………………………….. | Loại N.V:…… KHTK……. |
| Địa chỉ:……………………………………………………  Người nhận:……………………………………………….  Địa chỉ:…………………………………………………… | Tài khoản CÓ  Số ……………………….. |

|  |  |
| --- | --- |
| NỘI DUNG NỘP  (*Khi nộp tiền phải ghi chi tiết từng khoản*) | SỐ TIỀN |
| ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  ……………………………………………………………  TỔNG SỐ TIỀN BẰNG CHỮ…………………. CỘNG: | …………………………......đ  …………………………........  …………………………........  …………………………........  ………………….................... |

Người nộp tiền Thủ quỹ Kế toán Kiểm soát Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)